ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 732 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 24 tháng02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế trong lĩnh vực lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 122/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm)*, cụ thể:

1. Cấp tỉnh

- Ban hành mới 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

- Thay thế 11 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cấp xã

Thay thế 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế 15 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

+ 07 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.012687, 1.000084, 1.000081, 3.000152, 1.012692, 1.012689, 1.012690).*

+ 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.007918).*

+ 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử, nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.012921).*

+ 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 3.000159).*

+ 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 3.000160).*

+ 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND

tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế; bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.012922, 1.012531).*

+ 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.007919, 1.012694).*

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC

QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 732 /QĐ-UBND ngày 24 / 02 /2026 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh)

I. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
I	**CẤP TỈNH**				
1. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.014836, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,5 ngày làm việc		
Bước 3	Kể từ ngày nhận được văn bản trả lời, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện phương án điều chỉnh, gửi Hội đồng thẩm định	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Bước 4	Hội đồng thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định, chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; trường hợp thẩm định không đạt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Hội đồng thẩm định	05 ngày làm việc		
Bước 5	Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện phương án điều chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 6	Ban hành quyết định	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 7	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**23 ngày làm việc**		
2. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.014837, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,5 ngày làm việc		
Bước 3	Kể từ ngày nhận được văn bản trả lời, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện phương án thành lập, trình Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Bước 4	Hoàn thành báo cáo thẩm định, chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; trường hợp thẩm định không đạt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Hội đồng thẩm định	05 ngày làm việc		
Bước 5	Hoàn thiện phương án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Bước 6	Ban hành quyết định	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 7	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**23 ngày làm việc**		
3. Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.014839, (Một phần)					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	01 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Tổ chức điều tra, đánh giá, kiểm tra, xác nhận báo cáo hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng rừng và ranh giới khu rừng; kiểm tra nội dung giao rừng, cho thuê rừng; lập tờ trình kèm theo hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	09 ngày làm việc		
Bước 3	Xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng. Trường hợp không quyết định thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc		
Bước 4	Bàn giao rừng	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		
4. Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.014838, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức có liên quan; hoàn thành báo cáo thẩm định phương án chuyển loại rừng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho chủ rừng bằng văn bản và nêu rõ lý do	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	14 ngày làm việc		
Bước 3		Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Tổng thời gian giải quyết			**18 ngày làm việc**		
II. CẤP XÃ					
1. Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã. Mã TTHC: 1.014832, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Tổ chức điều tra, đánh giá, kiểm tra, xác nhận báo cáo hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng rừng và ranh giới khu rừng, lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp xã	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	08 ngày làm việc		
Bước 3	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Chủ tịch UBND cấp xã	01 ngày làm việc		
Bước 4	Quyết định giao rừng, cho thuê rừng	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	05 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho UBND cấp xã	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Bàn giao rừng	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	05 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		

II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1. Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý. Mã TTHC: 1.012687, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng đến Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Bước 3	Hoàn thành báo cáo thẩm định, chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; trường hợp thẩm định không đạt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Hội đồng thẩm định	05 ngày làm việc		
Bước 4	Kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Bước 5	Ban hành quyết định	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**18 ngày làm việc**		
2. Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.000084, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển hồ sơ đến chuyên viên xử lý	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	16 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 3	Trình lãnh đạo phòng xem xét kết quả xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Trình hồ sơ đã xử lý đến lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trình hồ sơ đã xử lý đến lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường để ký duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 6	UBND tỉnh xem xét, phê duyệt	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày làm việc		
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**25 ngày làm việc**		
3. Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.000081, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển hồ sơ đến chuyên viên xử lý	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	16 ngày làm việc		
Bước 3	Trình lãnh đạo phòng xem xét kết quả xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Trình hồ sơ đã xử lý đến lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trình hồ sơ đã xử lý đến lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường để ký duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 6	UBND tỉnh xem xét, phê duyệt	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**25 ngày làm việc**		
4. Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.012921, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển chuyên viên xử lý	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	09 ngày làm việc		
Bước 3	Trình lãnh đạo phòng xem xét kết quả xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục báo cáo kết quả thẩm định	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt cáo kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 6	Quyết định thanh lý rừng trồng	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
5. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 3.000152, (Một phần)					
5.1. Trường hợp không phải lấy ý kiến Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 2	Chuyển nhân viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	09 ngày làm việc		
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 7	Quyết định chuyển mục đích	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả thủ tục hành chính	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
	Tổng thời gian thực hiện quy trình		**16 ngày làm việc**		
5.2 Trường hợp phải lấy ý kiến Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển nhân viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	09 ngày làm việc		
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 7	Chủ tịch UBND cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 8	Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh.	Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	10 ngày làm việc		
Bước 9	Quyết định chuyển mục đích	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 10	Trả kết quả thủ tục hành chính	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
	Tổng thời gian thực hiện quy trình		**28 ngày làm việc**		
6. Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.012692, (Một phần)					
6.1. Trường hợp không phải lấy ý kiến Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển nhân viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên	09 ngày làm việc		
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 7	Quyết định điều chỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả thủ tục hành chính	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
	Tổng thời gian thực hiện quy trình		**16 ngày làm việc**		
6.2. Trường hợp phải lấy ý kiến Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển nhân viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	09 ngày làm việc		
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 7	Chủ tịch UBND cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 8	Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh.	Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	10 ngày làm việc		
Bước 9	Quyết định điều chỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 11	Trả kết quả thủ tục hành chính	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian thực hiện quy trình			**28 ngày làm việc**		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
7. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức. Mã TTHC: 1.012689, Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển nhân viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 7	Quyết định chuyển mục đích	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả thủ tục hành chính	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian thực hiện quy trình			**08 ngày làm việc**		
8. Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý. Mã TTHC: 1.012690, (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển nhân viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	06 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 7	Quyết định chuyển mục đích	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả thủ tục hành chính	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian thực hiện quy trình			**15 ngày làm việc**		
9. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu. Mã TTHC: 3.000159, (Một phần)					
9.1. Trường hợp không có thông tin vi phạm					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu, trình lãnh đạo xác nhận	Công chức Kiểm lâm sở tại	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xác nhận bảng kê gỗ xuất khẩu	Lãnh đạo cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**		
11.2. Trường hợp có thông tin vi phạm					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 2	Kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu, trình lãnh đạo xác nhận	Công chức Kiểm lâm sở tại	02 ngày làm việc		
Bước 3	Xác nhận bảng kê gỗ xuất khẩu	Lãnh đạo cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
10. Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư. Mã TTHC: 1.007918, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển chuyên viên xử lý	Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	05 ngày làm việc		
Bước 3	Trình lãnh đạo phòng xem xét kết quả xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Chi cục báo cáo kết quả thẩm định	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trình lãnh đạo Sở ký duyệt báo cáo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**09 ngày làm việc**		
11. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ. Mã TTHC: 3.000160, (Một phần)					
11.1. Trường hợp không kiểm tra xác minh					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển chuyên viên xử lý	Chuyên viên Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	1,5 ngày làm việc.		
Bước 3	Trình lãnh đạo phòng xem xét	Lãnh đạo phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển Văn thư vào số, đóng dấu	Văn Thư Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**04 ngày làm việc**		
11.2. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh hồ sơ.					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển chuyên viên xử lý	Chuyên viên Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	6,5 ngày làm việc.		
Bước 3	Trình lãnh đạo phòng xem xét	Lãnh đạo phòng Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển Văn thư vào số, đóng dấu	Văn Thư Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 6	Chuyển trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**09 ngày làm việc**		
II. CẤP XÃ					
1. Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại. Mã TTHC: 1.012922, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Kiểm tra hiện trường để xác định trường hợp rừng trồng được thanh lý và mức độ thiệt hại của rừng trồng, lập thành biên bản, trình lãnh đạo ký duyệt	Cán bộ UBND cấp xã	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt biên bản kiểm tra	Chủ tịch UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
2. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân. Mã TTHC: 1.012694, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Lập tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	04 ngày làm việc		
Bước 3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian làm việc			**08 ngày làm việc**		
3. Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, mã TTHC: 1.007919, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Thẩm định và hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	07 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt báo cáo	Chủ tịch UBND cấp xã	01 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian thực hiện			**09 ngày làm việc**		
4. Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, mã TTHC: 1.012531, (Một phần)					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Tổ chức xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất và lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng, trình Chủ tịch UBND cấp xã	Cơ quan chuyên môn cấp xã	09 ngày làm việc		
Bước 3	Quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng	Chủ tịch UBND cấp xã	02 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**12 ngày làm việc**		